|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần: 24** | **KHÍ ÁP VÀ GIÓ TRÊN TRÁI ĐẤT** | **NS:** 20.2.2021  **NG:** |

**I. Mục tiêu bài học**

1. **Kiến thức.**

* Nêu được khái niệm khí áp và trình bày được sự phân bố khí áp trên Trái đât.
* Nêu được tên, phạm vi hoạt động và hướng của các loại gió thổi thường xuyên trên TĐ

HSKT: Hiểu được khái niệm khí áp, tên các loại gió thổi thường xuyên trên TĐ.

1. **Kĩ năng.** Quan sát và nhận xét kênh hình trong SGK.
2. **Thái độ.**Qua bài học hiểu và bảo vệ môi trường tự nhiên trên Trái Đất.

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung: tự học; hợp tác; trao đổi...

- Năng lực riêng: sử dụng hình vẽ, tranh ảnh...

**II. Chuẩn bị của gv và hs.**

**1. Đối với giáo viên:**

- Tranh khí áp và gió trên Trái Đất, bản đồ thế giới.

- Laptop

**2. Đối với học sinh**

- Sách, vở, đồ dùng học tập, bảng da nhóm.

- Dựa vào kênh hình, kênh chữ bài 19 trả lời câu hỏi trong bài.

**III. Phương pháp dạy học:**

**-** PP trực quan, pp giảng giải, PP đàm thoại ,PP thảo luận nhóm

**IV.Tiến trình dạy và học.**

1. **Ổn định lớp**
2. **Kiểm tra bài cũ**

* Thời tiết là gì? Khí hậu là gì?

-Tính NĐTB ngày của tỉnh Quảng Nam đo được lúc 5h:20 0C 13h:290C 21h 240C

1. **Nôi dung bài mới.**

**3.1. Tình huống xuất phát:**

**a. Mục tiêu**

HS được gợi nhớ, hiểu biết về khí áp và gió trên Trái Đất, sử dụng kĩ năng quan sát tranh ảnh để nhận biết về sự phân bố các đai khí áp và phạm vi hoạt động của các loại gió. Qua đó HS biết được ảnh hưởng của chúng đối với sản xuất và sinh hoạt của con người trên TĐ.

**b. Phương pháp - kĩ thuật:** Vấn đáp, trao đổi, cá nhân, nhóm.

**c. Phương tiện:** Tranh khí áp và gió trên TĐ

**3.2. Hoạt động hình thành kiến thức:**

**Hoạt động 1:** **Tìm hiểu khí áp và các đai khí áp trên Trái Đất(16P)**

**- Mục tiêu:** Nêu được khái niệm khí áp và trình bày được sự phân bố khí áp trên Trái đât.

- **Phương pháp:** PP trực quan,đàm thoại

- **Hình thức**: cá nhân/ nhóm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\*B1**:GV yêu cầu HS : Nhắc lại chiều dày khí quyển bao nhiêu?  GV: Không khí tuy nhẹ nhưng vẫn có trọng lượng.Vì lớp vỏ khí rất dày nên nó càng tạo nên một sức ép rất lớn đối với mặt đất.Sức ép đó gọi là khí áp.  ? Vậy khí áp là gì? Muốn biết khí áp là bao nhiêu người ta làm thế nào?  GV: Giới thiệu sơ qua cấu tạo của khí áp kế. (Khí áp trùng bình chuẩn = 760 mm thuỷ ngân)  Yêu cầu HS đọc SGK  ? Quan sát H50 cho biết các đai khí áp nằm ở vĩ độ nào?  **\*B2**: HS nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ  **\*B3**: HS trả lời từng câu hỏi .  + Chiều dày 60.000km  + Khí áp là sức ép của không khí lên bề mặt đất. Người ta dùng dụng cụ đo là khí áp kế để đo khí áp,  + Các đai khí áp thấp nằm ỏ 00 và khoảng 600 Bắc và Nam. Các đai khí áp cao nằm ở 300 Bắcvà Nam và ở cực Bắc và Nam.  **\* B4** GV theo dõi, nhận xét, chuẩn kiến thức .  GV giảng nguyên nhân sinh ra các đai khí áp*.+ Vùng xích đạo có nhiệt độ quanh năm cao, không khí nở ra bốc lên cao, sinh ra vành đai khí áp thấp xích đạo.*  *+Không khí nóng lên bốc lên cao toả sang hai bên đường xích đạo đến khoảng vĩ độ 300-400 Bắc và Nam hai khối khí chìm xuống đè lên khối khí tại chỗ sinh ra vành đai cao áp.*  *+ Luồng không khí từ cực về và luồng không khí từ áp cao chí tuyến lên,sau khi gặp nhau ở VT 60 B,N thì bốc lên cao sinh ra vành đai khí áp thấp.*  *+Ở vùng cực B,N quanh năm lạnh,không khí co lại chìm xuống sinh ra 2 khu áp cao ở cực* | **1.Khí áp .Các đai khí áp trên Trái Đất.**  **a.Khí áp.**  + Khí áp là sức ép của không khí lên bề mặt Trái Đất.  + Dụng cụ đo khí áp là khí áp kế,đơn vị đo là mm thủy ngân.  **b.Các đai khí áp trên Trái Đất**.  - Khí áp được phân bố trên Trái Đất thành các đai khí áp thấp và khí áp cao từ Xích đạo về cực.  +Các đai khí áp thấp nằm ỏ 00 và khoảng 600 Bắc và Nam. +Các đai khí áp cao nằm ở 300 Bắcvà Nam và ở cực Bắc và Nam. |

**\* Tổ chức hoạt động:**

**Hoạt động 1:** **Tìm hiểu gió và các hoàn lưu khí quyển**

**- Mục tiêu:** Nêu được tên, phạm vi hoạt động và hướng của các loại gió thổi thường xuyên trên TĐ

- **Phương pháp:** PP trực quan,đàm thoại

- **Hình thức**: cá nhân/ nhóm.

**\* Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\*B1**:GV yêu cầu HS : Gió là gì?Nguyên nhân sinh ra gió?  GV: Độ chênh áp suất giữa hai vùng càng lớn thì dòng không khí càng mạnh, nên gió to.  ? Thế nào là hoàn lưu khí quyển?  ? Quan sát H52 cho biết các loại gió thổi trên Trái Đất?  -Thảo luận nhóm ,mỗi nhóm một loại gió:*Phạm vi hoạt động,*  *hướng gió của chúng như thế nào?*  Nhóm 1:**Gió Tín phong**  Nhóm 2**:Gió Tây ôn đới**  Nhóm 3**:Gió Đông cực**  **\*B2**: HS nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ  **\*B3**: HS các nhóm báo cáo .  Gió là sự chuyển động của không khí từ nơi có khí áp cao về nơi có khí áp thấp.  \* Do có sự chênh lệch khí áp cao và khí áp thấp giữa 2 vùng tạo ra gió.  + Hoàn lưu khí quyển là sự chuyển động của không khí giữa các đai khí áp cao và thấp tạo thành các hệ thống vòng tròn  -Các nhóm thảo luận:  **- Gió Tín phong:**  +Thổi từ các vĩ độ 300 Bắc và Nam về Xích đạo.  +Hướng gió ĐB ở nửa cầu Bắc;hướng ĐN ở nửa cầu Nam  **-Gió Tây ôn đới:**  +Thổi từ các vĩ độ 300 B,N lên các vĩ độ 600 Bắc và Nam.  +Hướng gió TN ở nửa cầu Bắc,hướng TB ở nửa cầu Nam  **-Gió Đông cực:**  +Thổi từ các vĩ độ 900 B,N về các vĩ độ 600 B,N.  +Hướng gió ĐB ở nửa cầu Bắc;hướng ĐN ở nửa cầu Nam  **\* B4** GV theo dõi, nhận xét, chuẩn kiến thức .  ?Tại sao hai loại gió Tín phong và gió Tây ôn đới không thổi theo hướng kinh tuyến mà hơi lệch về trái hoặc phải.  + Do sự vân động tự quay của Trái Đất....  ? Vì sao gió Tín phong lai thổi từ khoảng vĩ độ 300 Bắc và Nam về xích đạo?  +Do sự chênh lệch khí áp giữa vùng XĐ và vĩ tuyến 300 B và N sinh ra Gió Tín phong  ? Vì sao gió Tây ôn đới lại thổi từ khoảng vĩ độ 300 Bắc và Nam lên khoảng vĩ độ 600 Bắc và Nam?  +Do sự chênh lệch khí áp giữa vùng vĩ tuyến 300 B và N và vùng vĩ tuyến 600 B và N sinh ra Gió Tây ôn đới | **2.Gió và các hoàn lưukhí quyển.**  Gió là sự chuyển động của không khí từ nơi có khí áp cao về nơi có khí áp thấp.  **\*Các loại gió:**  **- Gió Tín phong:**  +Thổi từ các vĩ độ 300 Bắc và Nam về Xích đạo.  +Hướng gió ĐB ở nửa cầu  Bắc;hướng ĐN ở nửa cầu Nam  **-Gió Tây ôn đới:**  +Thổi từ các vĩ độ 300 B,N lên các vĩ độ 600 Bắc và Nam.  +Hướng gió TN ở nửa cầu Bắc,hướng TB ở nửa cầu Nam  **-Gió Đông cực:**  +Thổi từ các vĩ độ 900 B,N về các vĩ độ 600 B,N.  +Hướng gió ĐB ở nửa cầu Bắc;hướng ĐN ở nửa cầu Nam |

**4) Luyện tập-vận dụng**

*Chọn từ thích hợp điền vào các vị trí được đánh số để có đoạn văn đúng về khí áp.*

Khí áp là (1) của không khí lên bề mặt Trái Đất. Trên Trái Đất có nơi khí áp (2), có nơi khí áp (3). Đo khí áp bằng (4). /

Gv củng cố lại toàn bộ kiến thức.

**5)Mở rộng:**

*-* Mục tiêu: Giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học để liên hệ thực tế và giải quyết vấn đề

*-* Phương pháp, kỹ thuật: Sử dụng tài liệu tham khảo, sách báo, phương tiện truyền thông

- Tìm hiểu thêm về ích lợi và tác hại của gió đối với sản xuất và đời sống con người trên TĐ

-Chuẩn bị bài 20 “Hơi nước trong không khí và mưa”

Dựa vào thông tin SGK, số liệu, tranh ảnh, biểu đồ, lược đồ

+Tìm hiểu hơi nước và độ ẩm không khí

+Mưa và sự phân bố mưa trên Trái Đất.

+Nguồn cung cấp nước chính hơi nước trong không khí?

+Cách tính lượng mưa trung bình ở một địa điểm?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần:** 25 | **BÀI. HƠI NƯỚC TRONG KHÔNG KHÍ -MƯA** | **NS: 25.2.2021**  **NG:** |

**I. Mục tiêu bài dạy.**

***1. Kiến thức.***

-Biết được vì sao không khí có độ ẩm và nhận xét được mối quan hệ giữa nhiệt độ không khí và độ ẩm

-Trình bày được quá trình tạo thành mây,mưa.Sự phân bố lượng mưa trên TĐ.

Hiểu được nguyên nhân có hơi nước trong không khí; quá trình hình thành mưa.

***2.Kĩ năng***

- Dựa bảng số liệu,tính lượng mưa trong ngày,trong tháng,trong năm và lượng mưa trung bình năm của một địa phương

- Đọc được bản đồ phân bố lượng mưa,rút ra nhận xét về sự phân bố lượng mưa trên thế giới.

-Đọc biểu đồ lượng mưa,rút ra nhận xét về lượng mưa của một địa phương.

***3. Thái độ***

- Có thái độ đúng đắn trong học tập địa lí .

- Biết yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường thiên nhiên đặc biệt là môi trường nước, không làm ô nhiễm môi trường nước.

***4. Định hướng các năng lực hình thành:***

*- Năng lực chung:* năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…

*- Năng lực chuyên biệt:* + So sánh, phân tích, phân tích số liệu

**II. Chuẩn bị của giáo viên**

1. **Giáo viên**: - Bản đồ phân bố lượng mưa trên thế giới.

- Hình vẽ biểu đồ lượng mưa.

-Bảng lượng hơi nước tối đa trong không khí

2. **Học sinh**: bài tập, sgk…

**IV. Phương pháp dạy học:**

**-** PP trực quan, pp giảng giải, PP đàm thoại ,PP thảo luận nhóm

**V. Hoạt động dạy học.**

***1. Ổn định lớp.***

***2. Kiểm tra bài***

- Trình bày các đai khí áp, các loại gió tín phong và gió Tây ôn đới.

***3 Bài mới***

**3.1. Tình huống xuất phát:**

**a. Mục tiêu:** Biết được vì sao lại có mưa

**b. Phương pháp:**  Vấn đáp, trực quan, gợi mở,hoạt động cá nhân

**c. Các bước hoạt động:**

**Bước 1**: Giáo viên cho học sinh xem các hình ảnh sau và đặt câu hỏi:

+ Đây là hiện tượng gì?

+ vì sao có hiện tượng đó?

  

**Bước 2**: Hs bằng những hiểu biết của mình nhận xét

**Bước 3:** Hs trả lời

**Bước 4**: Giáo viên nhận xét và vào bài mới.....

**3.2. Hoạt động hình thành kiến thức:**

**Hoạt động 1:** **Hơi nước và độ ẩm của không khí**

**- Mục tiêu:** Biết được vì sao không khí có độ ẩm và nhận xét được mối quan hệ giữa nhiệt độ không khí và độ ẩm.

- **Phương pháp:** PP trực quan,đàm thoại

- **Hình thức**: cá nhân/ nhóm.

**\* Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\*B1**:GV yêu cầu HS : ? Hơi nước trong không khí do đâu mà có?  ? Tại sao trong không khí lại có độ ẩm?  ? Dụng cụ đo độ ẩm  ? Quan sát bảng “lượng hơi nước tối đa trong không khí” nhận xét về mối quan hệ giữa nhiệt độ và lượng hơi nước tối đa trong không khí?  -GV giảng sự ngưng tụ hơi nước trong không khí.  **\*B2**: HS nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ  **\*B3**: HS trả lời từng câu hỏi . +Nước trong sông suối,ao hồ,biển và đại dương bốc hơi  + Do có chứa hơi nước nên không khí có độ ẩm.  + Dùng ẩm kế để đo độ ẩm không khí.  +Nhiệt độ không khí càng cao ,lượng hơi nước chứa được càng nhiều.  **\* B4** GV theo dõi, nhận xét, chuẩn kiến thức .  Gv hướng dẫn học sinh về vong tuần hoàn hơi nước trong không khí gây mưa.  tải xuống (4) | **1. Hơi nước và độ ẩm của không khí**  -Không khí bao giờ cũng chứa một lượng hơi nước nhất định.  -Hơi nước làm cho không khí có độ ẩm  - Nhiệt độ không khí càng cao ,lượng hơi nước chứa được càng nhiều. |

**Hoạt động 2:** **Tìm hiểu mưa và phân bố lượng mưa.**

**- Mục tiêu:** -Trình bày được quá trình tạo thành mây,mưa.Sự phân bố lượng mưa trên TĐ.

- **Phương pháp:** PP trực quan,đàm thoại

- **Hình thức**: cá nhân/ nhóm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\*B1**:GV yêu cầu HS : Yêu cầu HS đọc đoạn đầu mục 2 sgk để hiểu quá trình tạo thành mây,mưa.  GV: giải thích thêm  -Dụng cụ đo mưa là gì?  ? Muốn tính lượng mưa trong ngày,trong tháng,trong năm,trung bình năm ta làm thế nào?  -GV hướng dẫn cách tìm lượng mưa của 1 tháng trên biểu đồ,thao tác mẫu.  -Yêu cầu HS thảo luận nhóm: ?Quan sát H53 - biểu đồ lượng của thành phố Hồ Chí Minh cho biết:  +Tháng nào có mưa nhiều nhất?Lượng mưa khoảng bao nhiêu?  ++Tháng nào có mưa ít nhất?Lượng mưa khoảng bao nhiêu?  GV trêu lược đồ phân bố lượng mưa trên thế giới,giải thích chú giải,yêu cầu HS thảo luận nhóm:  -Chỉ các khu vực có lượng mưa trung bình năm trên 2000mm,các khu vực có lượng mưa trung bình năm dưới 200mm  -Nhận xét về sự phân bố lượng mưa trên thế giới.  **\*B2**: HS nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ  **\*B3**: HS trả lời từng câu hỏi .  -Vũ kế  -HS đọc mục 2a sgk nêu cách tính lượng mưa trong ngày,trongtháng,  trong năm,trung bình năm  + HS chia nhóm thảo luận đại diện nhóm trình bày kết quả.Các nhóm khác bổ sung kết quả.  -HS chia nhóm thảo luận và lên bảng trình bày.  -Lượng mưa phân bố trên Trái Đất không đều từ xích đạo về hai cực  **\* B4** GV theo dõi, nhận xét, chuẩn kiến thức . | **2. Mưa và sự phân bố lượng mưa trên Trái Đất**  -Quá trình tạo thành mưa:Sgk  ***a. Tính lượng mưa trung bình của một địa phương.***  -Cách tính lượng mưa trong ngày,trong tháng,trong năm,  trung bình năm :sgk  ***b. Sự phân bố mưa trên thế giới.***  - Mưa nhiều ở vùng xích đạo  - Mưa ít ở hai vùng cực Bắc và cực Nam  *=>Trên Trái Đất lượng mưa phân bố trên không đều từ xích đạo về hai cực* |

**\* Tổ chức hoạt động:**

**4) Luyện tập-vận dụng**

-Tại sao trong không khí lại có độ ẩm?

-Trình bày quá trình tạo thành mây,mưa,nhận xét sự phân bố lượng mưa trên TĐ

**5)Mở rộng:**

Làm bài tập 1 ,đọc bài đọc thêm. Chuẩn bị bài thực hành :Phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần:** 26 | **BÀI. THỰC HÀNH**  **PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ-LƯỢNG MƯA** | **NS:** 10.3.2021  **NG:** |

**I.Mục tiêu bài học:**

-HS biết cách đọc,khai thác thông tin và rút ra nhận xét về nhiệt độ, lượng mưa của 1 địa phương

-Nhận biết được dạng biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của 2 nửa cầu khác nhau

**II.Phương tiện dạy học:**

-Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa (Hà Nội,2 điểm A,B)

**III. Phương pháp dạy học:**

**-** PP trực quan, pp giảng giải, PP đàm thoại , PP thảo luận nhóm

**III.Tiến trình bài mới**

**1.Ổn định**

**2.Kiểm tra bài cũ**

-Tại sao trong không khí lại có độ ẩm?

-Trình bày quá trình tạo thành mây,mưa, nhận xét sự phân bố lượng mưa trên TĐ

**3.Bài mới**

**HĐ1. Giới thiệu biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa(**

GV giới thiệu: Biểu đồ minh họa cho diễn biến của các yếu tố khí hậu:nhiệt độ,lượng mưa trung bình các tháng trong năm của 1 địa phương.Đó là 2 yếu tố quan trọng của khí hậu 1 địa phương

- Cách thể hiện các yếu tố khí hậu trên biểu đồ:

+Trục hoành:12 tháng

+Trục tung phải:nhiệt độ(đơn vị độ C)

+Trục tung trái:lượng mưa(đơn vị mm)

-Quan sát biểu đồ H55,trả lời câu hỏi của bài tập 1

**HĐ2.Thảo luận nhóm các BT 4,5**

- GV hướng dẫn cách xác định nhiệt độ,lượng mưa cao nhất,thấp nhất

- GV chia nhóm thảo luận bài tập 4,5

+Các nhóm thảo luận điền kết quả vào bảng

**BT4,5**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhiệt độ và lượng mưa** | **Biểu đồ B** | **Kết luận** |
| Tháng có nhiệt độ cao nhất | 12 | -Là biểu đồ khí hậu(nhiệt độ,lượng mưa) ở nửa cầu Nam vì mưa nhiều từ tháng 10-3(Mùa nóng) |
| Tháng có nhiệt độ thấp nhất | 7 |
| Những tháng có mưa nhiều(mùa mưa): | 10->3 |
| **Nhiệt độ và lượng mưa** | **Biểu đồ A** | **Kết luận** |
| Tháng có nhiệt độ cao nhất | 4 | -Là biểu đồ khí hậu(nhiệt độ,lượng mưa) ở nửa cầu Bắc vì tháng 5-10 là mùa nóng mưa nhiều |
| Tháng có nhiệt độ thấp nhất | 1 |
| Những tháng có mưa nhiều(mùa mưa): | 5->10 |

**HĐ 3** :**GV chuẩn xác kiến thức**

**4.Luyện tập ,vận dụng**

-Tóm tắt các bước đọc và khai thác thông tin trên biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa

**5.Mở rộng:**

-Ôn lại kiến thức đã học:Chí tuyến,vòng cực, khu vực có các loại gió Tín phong,Tây ôn đới, Đông cực

-Chuẩn bị bài :Các đới khí hậu trên TĐ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tuần: 27 | **CÁC ĐỚI KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT** | Ngày soạn: 16.3.2021  Ngày dạy: |

**I.Mục tiêu bài học**

**1.Kiến thức**

- Biết được 5 đới khí hậu chính trên TĐ. Trình bày được giới hạn và đặc điểm từng đới

- Hiểu được tên của 5 đới khí hậu, Vị trí của từng đới.

**2 Kĩ năng**

- Quan sát , nhận xét hình vẽ.

**3. Thái độ:** Yêu thích môn học

**4. Định hướng các năng lực hình thành:**

*- Năng lực chung:* năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…

*- Năng lực chuyên biệt:* + So sánh, phân tích,

**II.Chuẩn bị**:

1, Giáo viên: -Bản đồ khí hậu thế giới

-Hình vẽ trong sgk

2. Học sinh: sgk, vở..

**III. Phương pháp dạy học:**

**-** PP trực quan, PP đàm thoại ,PP thảo luận nhóm

**IV.Tiến trình bài mới**:

**1.Ổn định**

**2.Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra vở HS**

**3.Bài mới:**

**Bước 1**: Giáo viên cho học sinh xem hình ảnh và trả lời câu hỏi

+ Em thấy các hình ảnh trên có giống nhau không?

+ Vì sao lại khác nhau?

+ Yếu tố nào làm nên sự khác nhau đó.?

  

**Bước 2**: Hs bằng những hiểu biết của mình nhận xét

**Bước 3:** Hs trả lời

**Bước 4**: Giáo viên nhận xét và vào bài mới.....

**3.2. Hoạt động hình thành kiến thức:**

**Hoạt động 1:** **1** **Các chí tuyến và vòng cực trên Trái Đất**

**- Mục tiêu:** - nắm được các đường chí tuyến và vòng cực

- **Phương pháp:** PP trực quan,đàm thoại

- **Hình thức**: cá nhân/ nhóm.

**\* Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\*B1**:GV yêu cầu HS : -Trực quan:Hình vẽ 24/28  -Dựa vào hình vẽ và bản đồ:  +HS nhận biết các chí tuyến,vòng cực và vĩ độ của nó?  +HS xác định các đường chí tuyến và vòng cực trên bản đồ.  -HS quan sát hình vẽ cho biết:  ?Mặt Trời chiếu vuông góc với chí tuyến Bắc vào ngày nào?  ?Mặt Trời chiếu vuông góc với chí tuyến Nam vào ngày nào?  ?Hai vòng cực có đặc điểm gì?  ?Vai trò của chí tuyến và vòng cực trên TĐ  ?Kể tên các vành đai nhiệt  **\*B2**: HS nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ  **\*B3**: HS trả lời từng câu hỏi .  -22/6  -22/12  -Là đường giới hạn khu vực có ngày hoặc đêm dài suốt 24h  -Các chí tuyến và vòng cực là ranh giới phân chia bề mặt TĐ ra các vành đai nhiệt  -Một vành đai nóng,hai vành đai ôn hòa,hai vành đai lạnh.  **\* B4** GV theo dõi, nhận xét, chuẩn kiến thức . | **1.Các chí tuyến và vòng cực trên Trái Đất**  -Chí tuyến Bắc:23027’B  -Chí tuyến Nam:23027’N  -Vòng cực Bắc:66033’B  -Vòng cực Nam:66033’N |

**Hoạt động 2:** **Tìm hiểu vị trí,đặc điểm các đới khí hậu**

**- Mục tiêu:** - Biết được 5 đới khí hậu chính trên TĐ. Trình bày được giới hạn và đặc điểm từng đới

- **Phương pháp:** PP trực quan,đàm thoại

- **Hình thức**: cá nhân/ nhóm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\*B1**:GV yêu cầu HS : Giới thiệu lại một cách khái quát các vành đai nhiệt trên bản đồ khí hậu thế giới.  ? Sự phân chia khí hậu trên bề mặt Trái Đất phụ thuộc vào những nhân tố cơ bản nào? Yếu tố nào quan trọng nhất? Vì sao?  ? Quan sát H58 rồi lên bảng xác định vị trí các đới khí hậu trên bản đồ khí hậu?  -Yêu cầu HS thảo luận nhóm tìm hiểu :  - Vị trí  -Góc chiếu MT và thời gian chiếu sáng  - Nhiệt độ  -Gió thổi thường xuyên  - Lượng mưa.  + Nhóm 1,2 đới nóng  + Nhóm 3,4 đới ôn hoà  + Nhóm 5,6 đới lạnh  **\*B2**: HS nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ  **\*B3**: HS các nhóm báo cáo .  + Các yếu tố vĩ độ (quan trọng nhất) Biển và lục địa, hoàn lưu khí quyển.  + Tương ứng với năm vành đai nhiệt là năm đới khí hậu theo vĩ độ.  + Chia thành 6 nhóm thảo luận và lên trình bày trên bảng phụ các nhóm khác bổ sung  **\* B4** GV theo dõi, nhận xét, chuẩn kiến thức . | **2. Sự phân chia bề mặt Trái Đất ra các đới khí hậu theo vĩ độ.**  - Tương ứng với năm vành đai nhiệt trên Trái Đất có năm đới khí hậu theo vĩ độ:  + Một đới nóng  + Hai đới lạnh  + Hai đới ôn hoà  - Đặc điểm các đới khí hậu |

**\* Tổ chức hoạt động:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên đới khí hậu | | Đới nóng (nhiệt đới) | Hai đới ôn hoà (ôn đới) | Hai đơi lạnh (hàn đới) |
| Vị trí | | Từ 23027/B-23027/N | Từ 23027/B - 66033/B  Từ 23027/N - 66033/N | Từ 66033/B - cưc Bắc  Từ 66033/N- cực Nam |
| Góc chiếu ánh sáng Mặt Trời | | - Quanh năm lớn  - Thời gian chiếu sáng trong năm chênh nhau ít | Góc chiếu sáng và thời gian chiếu sáng trong năm chênh nhau lớn | - Quanh năm nhỏ  - Thời gian chiếu sáng dao động lớn. |
| Đăc  điểm  khí  hậu | Nhiệt độ | Nóng quanh năm | Trung bình | Quanh năm giá lạnh |
| Gió | Tín phong | Tây ôn đới | Đông cực |
| Lượng mưa | 1000mm - 2000mm | 500mm - 1000mm | < 500mm |

**4) Luyện tập-vận dụng**

- Lên bảng xác định các chí tuyến và vòng cực?

- Xác định các đới khí hậu trên Trái Đất?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần:** 28 | **BÀI - SÔNG VÀ HỒ** | **NS: 2**0/3/2021  **NG:** |

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được khái niệm sông, hệ thống sông, lưu vực sông, lưu lượng nước; nêu được mối quan hệ giữa nguồn cấp nước và chế độ nước sông.

-Trình bày được khái niệm hồ, phân loại hồ căn cứ vào nguồn gốc, tính chất của nước.

-Biết được vai trò của sông, hồ đối với sản xuất và đời sống của con người

-Biết được nguyên nhân, hậu quả của ô nhiễm nước, sự cần thiết phải bảo vệ nước sông, hồ.

**2.** **Kĩ năng**

- Mô tả được hệ thống sông, nhận biết hiện tượng ô nhiễm nước sông hồ qua tranh ảnh và thực tế

-Nhận biết nguồn gốc một số loại hồ qua tranh ảnh: hồ núi lửa, hồ băng hà, hồ móng ngựa, hồ nhân tạo.

**3.** **Thái độ**

- Biết bảo vệ môi trường ,không làm ô nhiễm nước sông, hồ

**4. Định hướng các năng lực hình thành:**

*- Năng lực chung:* năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…

*- Năng lực chuyên biệt:* + So sánh, phân tích, sử dụng hình ảnh.

**II.** **Phương tiện dạy học**

1. Giáo viên - Bản đồ sông ngòi Việt Nam. Bản đồ tự nhiên thế giới

- Tranh ảnh hình vẽ về hồ, lưu vực sông và hệ thống sông.

- Mô hình của các lưu vực các con sông.

2. Học sinh: sgk, sách bài tập…..

**IV. Phương pháp dạy học:**

**-** PP trực quan, PP đàm thoại ,PP giảng giải, PP liên hệ

**V.** **Tiến trình hoạt động dạy học**

**1.Ổn định lớp.**

**2.Kiểm tra bài cũ**

**3.Nội dung bài mới**

**3.2. Hoạt động hình thành kiến thức:**

**Hoạt động 1:** **1. Sông và lượng nước của sông,**

**- Mục tiêu:** - Trình bày được khái niệm sông, hệ thống sông, lưu vực sông, lưu lượng nước; nêu được mối quan hệ giữa nguồn cấp nước và chế độ nước sông.

- **Phương pháp:** PP trực quan,đàm thoại

- **Hình thức**: cá nhân/ nhóm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\*B1**:GV yêu cầu HS : Bằng thực tế em hãy mô tả lại những dòng sông mà em đã từng gặp?  ? Quê em có dòng sông nào chảy qua?  ? Sông là gì? Những nguồn cung cấp nước cho dòng sông?  GV: trêu bản đồ tự nhiên thế giới hãy xác định các con sông lớn của Việt Nam và thế giới?  GV: giảng khái niệm lưu vực sông  ? Em hãy cho biết sông nào có lưu vực rộng trên thế giới, đặc điểm nổi bật?  GV: bổ sung cung cấp một số khái niệm cho học sinh.  ? Quan sát H59 cho biết những bộ phận nào nhập thành một dòng sông? Mỗi bộ phận có nhiệm vụ gì?  ? Hệ thống sông là gì?  ? Xác định trên bản đồ sông ngòi Việt Nam hệ thố sông Hồng và hệ thống sông Cửu Long  GV; trêu bảng lưu vực và lưu lượng nước sông Hông và sông Mê Công  **\*B2**: HS nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ  **\*B3**: HS trả lời từng câu hỏi .  + HS mô tả lại các con sông đã từng gặp  + Sông Kôn, sông Voi…  +Sông là dòng chảy tự nhiên thường xuyên, tương đối ổn định trên bề mặt lục địa  + Nguồn cung cấp nước cho sông là: nước mưa, nước ngầm, băng tuyết tan  + HS lên bảng xác định các con sông lớn  + Sông A ma dôn, có lưu vực rộng lớn nhất thế giới, và A ma dôn nổi tiếng là vua các dòng sông.  + HS quan sát và theo dõi gv cung cấp các khái niệm  + Những bộ phận như phụ lưu, chi lưu gộp thành sông chính. Phụ lưu có nhiệm vụ đổ nước vào sông chính. Các chi lưu làm nhiệm vụ thoát nước cho sông chính , sông chính là dòng chảy lớn nhất.  + Các sông chính cùng với phụ lưu và chi lưu hợp lại với nhau thành hệ thống sông.  + HS lên bảng xác định các hệ thống sông Hồng và sông Cửu Long  **\* B4** GV theo dõi, nhận xét, chuẩn kiến thức .  GV: giải thích khái niệm lưu lượng sông.  Theo em lưu lượng của một con sông lớn hay nhỏ phụ thuộc vào điều kiện nào? + Phụ thuộc vào diện tích khu vực và và nguồn cung cấp nước  ? Mùa nào nước sông lên cao và chảy xuyết, mùa nào nước hạ thấp chảy êm? + Mùa mưa thì lưu lượng nước sông lớn, mùa khô thì lưu lượng nước sông nhỏ. Như vậy sự thảy đổi lưu lượng trong năm gọi chế độ nước sông.  Thuỷ chế sông là gì? + Thuỷ chế sông là nhiệp điệu thay đổi lưu lượng của một con sông trong một năm  GV: Giải thích khái niệm lũ.  *-Em hãy cho lợi ích và tác hại của sông? Làm thế nào để giảm bớt tai hoạ sông?*  *?Cho biết nguyên nhân làm ô nhiễm nước sông hiện nay?Biện pháp khắc phục.*  + HS trả lời theo hiểu biết của mình | **1. Sông và lượng nước của sông,**  - Sông là dòng nước chảy thường xuyên, tương đối ổn định trên bề mặt lục địa.  - Lưu vực là vùng đất đại cung cấp nước thường xuyên cho một con sông.  - Các sông chính cùng với phụ lưu và chi lưu hợp thành hệ thống sông.  - Lưu lượng là lượng nước chảy qua mặt cắt ngang lòng sông ở một địa điểm nào đó trong một giây đồng hồ(m3/s)  - Mối quan hệ giữa nguồn cấp nước và chế độ chảy: Nếu sông chỉ phụ thuộc vào một nguồn cấp nước thì thủy chế của nó tương đối đơn giản, nếu sông phụ thuộc vào nhiều nguồn cấp nước khác nhau thì thủy chế của nó phức tạp hơn. |

**\* Tổ chức hoạt động:**

**Hoạt động 2:** **Tìm hiểu về hồ**

- **Phương pháp:** PP trực quan,đàm thoại

- **Hình thức**: cá nhân/ nhóm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\*B1**:GV yêu cầu HS : ? Hồ là gì? Kể tên hồ ở địa phương em?  ? Phân loại hồ theo tính chất và nguồn gốc?  ? Xác định trên bản đồ thế giới một số hồ nổi tiếng? Và Việt Nam  ? Trong lục địa sao có hồ nước mặn?  ? Hồ nhân tạo là gì ? kể tên các hồ nhân tạo nước ta?  **\*B2**: HS nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ  **\*B3**: HS trả lời từng câu hỏi . - Căn cứ vào tính chất của nước có hai loại hồ: Hồ nước mặn và hồ nước ngọt  -Căn cứ vào nguồn gốc hình thành có hồ vết tích của các khúc sông,hồ băng hà, hồ miệng núi lửa,hồ nhân tạo.  + HS lên bảng xác định các hồ như hồ Vichtoria, Aran, Baican  + Nước ta có hồ Hồ Ba Bể, Hồ Hoàn Kiếm...  + Như Biển chết ở Tây Á... di tích vùng biển cũ, hồ nằm trong khu vực khí hậu khô nóng  + Hồ nhân tạo là hồ do con người xây dựng.  **\* B4** GV theo dõi, nhận xét, chuẩn kiến thức .  GV: mở rộng giảng thêm  *?Nêu tác dụng của hồ*  *?Cho biết nguyên nhân làm ô nhiễm nước hồ hiện nay?Biện pháp khắc phục.*  - Hồ có tác dụng điều hoà dòng chảy, giao thông, tưới tiêu, phát điện, nuôi trồng thuỷ sản.  - Tạo cảnh đẹp, khí hậu trong lành. | **2. Hồ**  - Là khoảng nước đọng tương đối rộng và sâu trong đất liền  - Căn cứ vào tính chất của nước có hai loại hồ: Hồ nước mặn và hồ nước ngọt  -Căn cứ vào nguồn gốc hình thành có hồ vết tích của các khúc sông, hồ băng hà, hồ miệng núi lửa, hồ nhân tạo. |

**\* Tổ chức hoạt động:**

**4) Luyện tập-vận dụng**

- Sông và hồ khác nhau như thế nào?

- Thế nào là hệ thống sông và lưu vực sông?

1. **Mở rộng:** Học bài và làm bài tập 1,2,3,4.Chuẩn bị bài :Biển và đại dương

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần: 29** | **BÀI. BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG** | **NS: 1**5.3.2021  **NG:** |

**I.Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Biết được độ muối của biển và đại dương

- Nguyên nhân làm cho độ muối của biển và đại dương không giống nhau

-Trình bày được các hình thức vận động của nước biển và đại dương: sóng, thủy triều, dòng biển, nêu được nguyên nhân sing ra sóng, thủy triều và dòng biển.

- Biết vai trò của biển và đại dương đối với đời sống, sản xuất của con người trên TĐ và vì sao phải bảo vệ nước biển và đại dương khỏi bị ô nhiễm.

- Biết các nguyên nhân gây ô nhiễm nước, đại dương, hậu quả

**2.** **Kĩ năng**

- Biết biết các hiện tượng sóng biển và thuỷ triều qua tranh ảnh.

- Nhận biết hiện tượng ô nhiễm nước biển và đại dương qua tranh ảnh và trên thực tế.

**3.** **Thái độ**

- Bảo vệ môi trường biển , phản đối các hoạt động làm ô nhiễm nước biển và đại dương

- Bảo vệ nguồn nước đầu nguồn, nhận thức biển điều hoà khí hậu.

**4. Định hướng các năng lực hình thành:**

*- Năng lực chung:* năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…

*- Năng lực chuyên biệt:* + So sánh, phân tích,

**II. Phương tiện dạy học**

- Bản đồ tự nhiên thế giới

- Bản đồ các dòng biển

- Tranh ảnh về sóng thuỷ triều

- Bảng phụ, tài liệu tham khảo

**IV.PHƯƠNG PHÁP:** Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm

**V. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

**1.Ổn định:**

**2 Kiểm tra bài cũ:**  Thế nào là sông, hệ thống sông, lưu vực sông? Xác định trên bản đồ những hệ thống sông lớn trên thế giới?

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\*B1**:GV yêu cầu HS : GV: treo bản đồ học sinh lên bảng xác định bốn đại dương thông với nhau?  GV: giới thiệu độ muối trung bình của nước biển là 350/00  ? Tại sao nước biển mặn? và độ muối ở các đại dương và biển có giống nhau không?  ? Vì sao có sự khác nhau đó?  ? Quan sát trên bản đồ tìm biển Ban Tích, biển Hồng Hải  **\*B2**: HS nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ  **\*B3**: HS trả lời từng câu hỏi .  HS lên bảng xác định bốn đại dương thông với nhau  + Vì nước biển hoà tan nhiều loại muối từ đất, đá, sinh vật trong lục địa đưa ra. Và độ muối của nước biển và đại dương không giống nhau.  + Tuỳ thuộc vào nguồn nước sông đổ ra biển, độ bốc hơi.  HS tìm hiểu trên bản đồ thế giới  **\* B4** GV theo dõi, nhận xét, chuẩn kiến thức . | **1.** **Độ muối của biển và đại dương**  - Độ muối trung bình của nước biển và đại dương là 350/00 , có sự khác nhau về độ muối của các biển và đại dương.  - Độ muối của các biển và đại dương không giống nhau tùy thuộc vào nguồn nước sông đổ vào nhiều hay ít và độ bốc hơi lớn hay nhỏ. |

**3. Bài mới.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\*B1**:GV yêu cầu HS Quan sát H61 nhận xét hiện tượng sóng biển.  ? Vậy sóng là gì? Nguyên nhân tạo ra sóng?  ? Quan sát H62 nhận xét sự thay đổi của ngấn nước ven bờ biển?  ? Thuỷ triều là gì  ? Triều cường và triều kém vào thời gian nào và nguyên nhân sinh triều cường và triều kém  Nguyên nhân nào sinh ra thuỷ triều?  GV: bổ sung kiến thúc cho học sinh  ?Dòng biển là gì? Nguyên nhân sinh dòng biển?  GV: trêu bản đồ và giải thích các mũi tên của các dòng biển và yêu cầu hs lên bảng xác định các dòng biển nóng và lạnh  GV: nhận xét và bổ sung.  ? Dựa vào đâu người ta chia ra dòng biển nóng và dòng biển lạnh?  ? Vai trò của dòng biển đối với khí hậu, giao thông, đánh bắt hải sản?  *- Biển có vai trò như thế nào trong đời sống và sx?*  *- GV treo tranh ảnh về ô nhiễm biển, yêu cầu HS nêu nguyên nhân làm biển và đại dương ô nhiễm, hậu quả?*  **\*B2**: HS nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ  **\*B3**: HS trả lời từng câu hỏi .  + Sóng biển từng đợt xô vào bờ, nhưng ta chỉ nhìn thấy đó là ảo giác, thực chất sóng chỉ vận động tại chỗ của các hạt nước  + sóng là sự dao động tại chỗ của các hạt nước. Gió chính là nguyên nhân tạo sóng ngoài ra còn do động đất, núi lửa.  + Nước biển có lúc bãi biển rộng ra và có lúc thu hẹp lại  +Thuỷ triều là hiện tượng lê xuống theo chu kì. Thuỷ triều có ba loại  + Triều cường là do sức hút của mặth trăng và Mặt Trời lớn nhất  + Triều kém sức hút của Mặt Trăng và Mặt Trời nhỏ nhất.  Do sức hút của mặt trăng và mặt trời.  HS quan sát theo dõi và lên bảng trình bày xác định các dòng biển nóng và dòng biển lạnh  - Nhiệt độ của dòng biển chênh lệch với nhiệt độ của khối nước xung quanh, nơi xuất phát các dòng biển  HS thảo luận trình bày  - Đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, khoáng sản, giao thông, du lịch, cảng biển...  - Chất thải, nước thải từ các khu công nghiệp, khu dân cư, sự cố dầu loang trên biển...->nước ô nhiễm, tôm cá chết...  **\* B4** GV theo dõi, nhận xét, chuẩn kiến thức . | **2 Sự vận động của nước biển và đại dương**  **a. Sóng biển**  - Là hình thức dao động tai chỗ của nước biển và đai dương.  - Gió là nguyên nhân chính sinh ra sóng. Động đất ngầm dưới đáy biển sinh ra sóng thần.  **b.** **Thuỷ triều**  - Thuỷ triều là hiện tượng nước có lúc dâng lên, lấn sâu vào đất liền, có lúc lại rút xuống, lùi tít ra xa  - Nguyên nhân:do sức hút của Mặt Trăng và Mặt Trời  **c.** **Dòng biển**  - Dòng biển là hiện tượng chuyển động của lớp nước trên mặt, tạo thành các dòng chảy trong các biển và đại dương.  - Nguyên nhân: do các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất như gió Tín phong, gió Tây ôn đới. |

**Hoạt động 2:** **Sự vận động của nước biển và đại dương**

**4) Luyện tập-vận dụng**

- Vì sao độ muối của nước biển và đại dương khác nhau?

- Kể các hình thức vận động của nước biển và đại dương?Cho biết nguyên nhân ba hình thức vận động đó

**5)Mở rộng:**

- Đọc bài đọc thêm

- Kể tên một số dòng biển

- Xác định vị trí hướng chảy của các dòng biển nóng và lạnh

- Tìm hiểu các khu vực có dòng biển chạy qua khí hậu như thế nào?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần: 30** | **BÀI 25 *THỰC HÀNH:* SỰ CHUYỂN ĐỘNG CỦA CÁC DÒNG BIỂN TRONG ĐẠI DƯƠNG** | **NS: 3.4.2021**  **NG:** |

**I.Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được hướng chuyển động của các dòng biển nóng và dòng biển lạnh trong đại dương thế giới.

- Nêu được ảnh hưởng của dòng biển đến nhiệt độ và lượng mưa của các vùng bờ tiếp cận với chúng.

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng bản đồ để kể tên một số dòng biển và hướng chảy của chúng: dòng biển Gơn-xtrim, Cư-rô-si-ô, Pê-ru, Ben-ghê-la

**3.Thái độ:** nghiêm túc, tích cực thực hành

**4. Định hướng các năng lực hình thành:**

*- Năng lực chung:* năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…

*- Năng lực chuyên biệt:* + So sánh, phân tích,

**II.** **Phương tiện dạy học**

- Bản đồ các dòng biển trong đại dương

- Bản đồ tự nhiên thế giới

- Hình 56 SGK phóng to

**III. Phương pháp dạy học:**

**-** PP trực quan,PP hướng dẫn, PP đàm thoại

**IV. Tiến trình tổ chức dạy học:**

**1.Ổn định:**

**2 Kiểm tra bài cũ:** Vì sao độ muối của các biển và đại dương lại khác nhau?

- Nguyên nhân sinh ra sóng, dòng biển và thuỷ triều?

**3. Hoạt động hình thành kiến thức:**

**\*B1**:GV yêu cầu HS :

\* GV trêu bản đồ tự nhiên thế giới, giới thiệu các hải lưu ở hai đại dương trên bản đồ.

**Bài tập 1.** **(Hoạt động cá nhân)**

GV yêu cầu một học sinh nêu yêu cầu nội dung bài 1.

- Trả lời các câu hỏi trong bài tập 1, dựa vào bản đồ các dòng biển

\* Các bước như sau

- Xác định các dòng biển nóng và lạnh trong hai đại dương(Dòng biển nóng màu đỏ, dòng biển lạnh màu xanh)

- Các dòng biển nóng và lạnh ở hai nửa cầu xuất phát từu đâu? Hướng chảy như thế nào?

+ HS làm việc và trình bày vào bảng phụ cả lớp theo dõi góp ý bổ sung

**\*B2**: HS nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ

**\*B3**: HS trả lời từng câu hỏi .

**\* B4** GV theo dõi, nhận xét, chuẩn kiến thức .

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đại**  **dương** | **Hải**  **lưu** | **Bắc bán cầu** | | **Nam bán cầu** | |
| **Tên Tên hải lưu** | **Vị trí- hướng chảy** | **Tên** | **Vị trí - hướng chảy** |
| **Thái**  **Bình**  **Dương** | Nóng | Cưrôsiô | Từ xích đạo lên Đông Bắc | Đông Úc | Từ xích đạo chảy về hướng Đông Nam |
| Lạnh | Cali foóc-ni-a | 400 B chảy về xích đạo | P Pê ru | Từ 60 0N  chảy lên xích đạo |
| **Đai**  **Tây**  **Dương** | Nóng | Gơn-xtrim | Từ chí tuyến Bắc->60 0B | Ba ra xin | Xích đạo - 30 0N |
| Lạnh | Grơn-len | Vùng Cực-600B | Ben-ghê-la | Từ 60 0N  - xích đạo |

+ GV Giảng và rút ra kết luận: *+ Các dòng biển nóng thường chảy từ các vùng vĩ độ thấp lên các vùng vĩ độ cao. Còn các dòng biển lạnh thường chảy từ các vùng vĩ độ cao về các vùng vĩ độ thấp*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Vị tí 4 điểm đó nằm ở vĩ độ nào?  Đánh dấu thứ tự từ trái sang phải theo 1, 2, 3, 4. Địa điểm nào gần dòng biển nóng tên dòng biển?  ? Địa điểm gần dòng biển nóng và lạnh có nhiệt độ là bao nhiêu?  GV: kết luận  ? Em cho ví dụ?  ? Nắm vững các quy luật của hải lưu có ý nghĩa gì như thế nào trong hoạt động con người?  GV: tổng kết bài học | + 600B  + Học sinh tự đánh dấu vào bản đồ và đọc tên lên bảng xác định tên dòng biển nóng.  + Nhiệt độ gần dòng biển nóng có nhiệt độ 2,30C, còn dòng biển lạnh -80C đến  -190C  + Dòng hải lưu nóng ở vịnh Mêxicô làm thay đổi rất nhiều đặc trưng khí hậu của Tây Âu  + Có ý nghĩa lớn trong việc vận tải biển, phát triển nghề cá, củng cố quốc phòng.  + Nơi gặp gỡ giữa dòng biển nóng và lạnh thường hình thành những ngư trường nổi tiếng thế giới | *- Các vùng ven biển , nơi có dòng biển nóng chảy qua có nhiệt độ cao hơn và mưa nhiều hơn những nơi có dòng biển lạnh chảy qua* |

**Bài tập 2 GV hướng dẫn cả lớp trả lời câu hỏi dựa vào lược đồ H56**

**4) Luyện tập-vận dụng**

- Nhận xét chung hướng chảy của dòng biển nóng và lạnh trên thế giới?

- Mối quan hệ giữa các dòng biển nóng và lạnh với khí hậu của nơi chúng chảy qua?

- Lên bảng xác định các dòng biển nóng và lạnh trong các đại dương trên bản đồ

**5)Mở rộng:**

- Soạn bài theo nội dung SGK và soạn đề cương ôn tập học kì II theo đề cương

- Đất là gì? Nhân tố nào hình thành đất?

- Đặc điểm của thổ nhưỡng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần: 31** | **BÀI 26 ĐẤT. CÁC NHÂN TỐ HÌNH THÀNH ĐẤT** | **NS: 2.4.2021**  **NG:** |

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được khái niệm lớp đất, hai thành phần chính của đất

- Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.

- Biết được nguyên nhân làm giảm độ phì của đất và suy thoái đất.

- Biết một số biện pháp làm tăng độ phì của đất và hạn chế sự ô nhiễm đất

**2.** **Kĩ năng**

- Sử dụng tranh ảnh để mô tả một phẩu diện đất

- Nhận biết đất tốt, đất xấu qua tranh ảnh và trên thực tế.

**3.** **Thái độ**

- Phản đối các hành động tiêu cực làm ô nhiễm và suy thoái đất.

- Ý thức được vai trò của con người trong việc làm cho độ phì của đất tăng hay giảm

**4. Định hướng các năng lực hình thành:**

*- Năng lực chung:* năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…

*- Năng lực chuyên biệt:* + So sánh, phân tích,

**II. Phương tiện dạy học**

- Tranh ảnh về một mẫu đất

- Bản đồ thổ nhưỡng thế giới hoặc bản đồ thổ nhưỡng Việt Nam

**IV. Phương pháp dạy học:**

**-** PP trực quan, PP đàm thoại, pp liên hệ

**V. Tiến trình dạy học**

**1.Ổn định:**

**2 Kiểm tra bài cũ:** Kiểm tra vở thực hành

**3. Bài mới.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\*B1**:GV yêu cầu HS :  Cho biết đất có các thành phần nào và đặc điểm? vai trò của từng thành phần?  GV: chuẩn kiến thức cho học sinh.  ? Nguồn gốc của thành phần khoáng trong đất?  ? Tại sao chất hữu cơ chiếm tỉ lệ nhỏ có vai trò lớn đối với thực vật?  ? Nguồn gốc thành phần hữu cơ?  ? Tại sao chất mùn lại là thành phần quan trọng nhất của chất hữu cơ?  ? Độ phì là gì?  ? Đất như thế nào gọi là đất tốt và đất xấu?  ? Con người đã làm giảm độ phì trong khi sản xuất như thế nào?  ?Biện pháp làm tăng độ phì của đất?  **\*B2**: HS nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ  **\*B3**: HS trả lời từng câu hỏi  HS đọc phần 2 SGK  + HS chia nhóm nhỏ thảo luận và đại diện nhóm trình bày kết quả các nhóm khác nhận xét và bổ sung kết quả.  - Khoáng chất có nguồn gốc từ sản phẩm phong hoá đá gốc  + Chất hữu cơ đem lại sự sông cho động thực vật  + Có nguồn gốc từ các sinh vật sống như rễ cây, các loại vi khuẩn, sâu bọ, giun, dế.. xác động thực vật bị phân huỷ ....  + Chất mùn là nguồn thức ăn dồi dào cung cấp những chất cần thiết cho thực vật tồn tại và phát triển.  + Độ phì của đất là khả năng cung cấp cho thực vật: nước các chất dinh dưỡng và các yếu tố khác như nhiệt độ, không khí vv... để thực vật sinh trưởng và phát triển.  + Học sinh thảo luận và trả lời các nhóm khác nhận xét và bổ sung  + Phá rừng gây xói mòn đất, sử dụng không hợp lí phân bón hoá học, thuốc trừ sâu, đất bị mặn nhiễm phèn, bị hoang mạc hoá...  +Có biện pháp cải tạo đất chua, phèn, mặn, bón phân hữu cơ, chống xói mòn rửa trôi đất...  **\* B4** GV theo dõi, nhận xét, chuẩn kiến thức . | **2. Thành phần và đặc điểm của thổ nhưỡng.**  ***Gồm 2 thành phần chính:***  - Thành phần khoáng chiếm phần lớn trọng lượng của đất, gồm những hạt khoáng có màu sắc loang lổ và kích thước to nhỏ khác nhau.  - Thành phần hữu cơ chiếm tỉ lệ nhỏ, tồn tại chủ yếu trong tầng trên cùng của lớp đất; chất hữu cơ tạo thành chất mùn có màu đen hoặc xám thẫm. |

**Hoạt động 3:** **Tìm hiểu các nhân tố hình thành đất**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\*B1**:GV yêu cầu HS :  ? Nhân tố hình thành đất?  ? Tại sao đá mẹ là nhân tố quan trọng nhất?  ? Sinh vật có vai trò như thế nào trong việc hình thành đất?  ? Tai sao khí hậu là nhân tố tạo thuận lợi hoặc khó khăn trong quá trình hình thành đất?  **\*B2**: HS nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ  **\*B3**: HS trả lời từng câu hỏi  + Các nhân tố đá mẹ, sinh vật và khí hậu ngoài ra còn do tác động địa hình, thời gian và con  + Đá mẹ là nguồn gốc sinh ra các thành phần khoáng trong đất.  + Sinh vật là nguồn gốc sinh ra thành phần hữu cơ. Trong đất có sinh vật sống..  + Vì khí hậu là môi trường tạo điều kiện cho quá trình phân huỷ các khoáng chất vá hữu cơ trong đất.  **\* B4** GV theo dõi, nhận xét, chuẩn kiến thức . | **3. Các nhân tố hình thành đất**  + Đá mẹ là nguồn gốc sinh ra các thành phần khoáng trong đất  + Sinh vật là nguồn gốc sinh ra thành phần hữu cơ  + Khí hậu tạo điều kiện cho quá trình phân huỷ các khoáng chất vá hữu cơ trong đất. |

**4) Luyện tập-vận dụng**

- Nêu khái niệm lớp đất?Cho biết hai thành phần chính của lớp đất?

- Cho biết các nhân tố hình thành đất?

**5)Mở rộng:** Học bài, ôn tập